

Số: /TB-CCTT&BVTV

Vĩnh Phúc, ngày tháng 4 năm 2021

**THÔNG BÁO**  
**TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI CÂY TRỒNG 1 THÁNG**  
(Từ ngày 16 tháng 3 đến ngày 15 tháng 4 năm 2021)

**I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG**

**1. Thời tiết**

Trong tháng đêm và sáng có sương mù nhẹ, có lúc có mưa rào nhẹ, trời âm u xen kẽ những ngày nắng nhẹ. Lượng mưa đo được tại Vĩnh Yên 38 mm (thấp hơn CKNT).

Nhiệt độ trung bình 24,2<sup>0</sup>C (cao hơn CKNT), cao nhất 33<sup>0</sup>C, thấp nhất 17<sup>0</sup>C.

Âm độ trung bình 77 - 85% (xấp xỉ CKNT).

Tổng số giờ nắng tháng đạt 70 - 80 giờ (xấp xỉ CKNT).

**2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng**

Diện tích gieo trồng vụ Đông Xuân 2020 - 2021:

- Lúa xuân: Diện tích lúa gieo, cấy: 29.676,4 ha (Đứng cái - làm đòng - trổ).
- Ngô: 2.051,6 ha (PTTL - phun râu);
- Đậu tương: 55,2 ha (PTTL - ra hoa);
- Lạc: 1.471,5 ha (Ra hoa - đâm tia);
- Khoai lang: 275,0 ha (PTTL - củ)
- Rau các loại: 2.599,1 ha (các giai đoạn);
- Cây trồng khác: 1.824,2 ha (các giai đoạn).

**Nhận xét:** Thời tiết trong tháng nắng nhẹ, mưa nhỏ rải rác, đêm và sáng có sương mù nhẹ, cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt. Sâu, bệnh phát sinh, phát triển gây hại nhẹ.

**II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH DỊCH HẠI TỪ NGÀY 16/3 - 15/4/2021**

**1. Trên lúa**

**- Trên lúa Xuân sớm**

+ Sâu đục thân 2 chấm gây hại cục bộ, tỷ lệ danh hại phổ biến 0,1 - 0,2%, cao 1 - 2% (Bình Xuyên, Lập Thạch).

+ Sâu đục thân cú mèo gây hại rải rác, tỷ lệ danh hại phổ biến 0,3 - 0,5%, cao 2 - 3% (Sông Lô).

+ Sâu cuốn lá nhỏ gây hại rải rác, mật độ phổ biến 0,4 - 0,5 con/m<sup>2</sup>, cao 2 - 4

con/m<sup>2</sup> (Sông Lô).

+ Rầy nâu, rầy lưng trắng gây hại cục bộ, mật độ phổ biến 15 - 20 con/m<sup>2</sup>, cao 150 - 200 con/m<sup>2</sup> (Sông Lô, Lập Thạch).

+ Bệnh đạo ôn lá gây hại cục bộ, tỷ lệ lá hại phổ biến 0,4 - 0,6%, nơi cao 10 - 15%, cục bộ 30 - 40% (Bình Xuyên).

+ Bệnh khô vằn gây hại rải rác, tỷ lệ cây hại phổ biến 2 - 5%, nơi cao 15 - 20%, cục bộ 30 - 40% (Sông Lô, Bình Xuyên, Yên Lạc, Vĩnh Tường).

+ Chuột gây hại rải rác, tỷ lệ danh hại phổ biến 0,6 - 1,8%, cao 5 - 7%, cục bộ >10% (Bình Xuyên, Sông Lô, Lập Thạch).

### **-Trên lúa Xuân muộn**

+ Sâu đục thân 2 chấm gây hại rải rác, tỷ lệ danh hại phổ biến 0,3 - 0,4%, cao 1 - 2% (Sông Lô, Phúc Yên).

+ Sâu đục thân cú mèo gây hại rải rác, tỷ lệ danh hại phổ biến 0,4 - 0,6%, cao 1 - 2%, cục bộ 4 - 5% (Tam Dương).

+ Sâu cuốn lá nhỏ gây hại rải rác, mật độ phổ biến 0,5 - 0,8 con/m<sup>2</sup>, cao 3 - 5 con/m<sup>2</sup> (Sông Lô, Tam Dương, Tam Đảo).

+ Rầy gây hại cục bộ, mật độ phổ biến 10 - 15 con/m<sup>2</sup>, cao 70 - 100 con/m<sup>2</sup> (Tam Đảo).

+ Bệnh đạo ôn lá gây hại cục bộ, tỷ lệ lá hại phổ biến 0,4 - 0,6%, cao 5 - 7%, cục bộ 10 - 14% (Yên Lạc, Phúc Yên, Tam Đảo).

+ Bệnh khô vằn gây hại diện rộng, tỷ lệ danh hại phổ biến 3 - 4%, nơi cao 20 - 30%, cục bộ >40% (Sông Lô, Phúc Yên, Vĩnh Tường, Bình Xuyên).

+ Chuột gây hại với tỷ lệ danh hại phổ biến 1 - 2%, cao 5 - 7%, cục bộ 12 - 15% (Bình Xuyên, Vĩnh Tường, Tam Dương, Phúc Yên).

Ngoài ra ruồi đục lá, bệnh vàng lá sinh lý gây hại rải rác.

## **2. Cây rau, màu**

- Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu gây hại rải rác, mật độ phổ biến 0,5 - 1 con/m<sup>2</sup>, cao 2 - 4 con/m<sup>2</sup> (Yên Lạc, Sông Lô,...).

- Trên cây rau thập tự: Sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, bọ nhảy gây hại nhẹ, mật độ sâu xanh, sâu khoang phổ biến 0,5 - 1 con/m<sup>2</sup>, cao 1 - 2 con/m<sup>2</sup>; mật độ sâu tơ, bọ nhảy phổ biến 1 - 2 con/m<sup>2</sup>, cao 3 - 5 con/m<sup>2</sup> (Phúc Yên, Vĩnh Yên).

- Trên cây dưa chuột: Bọ trĩ, bệnh sương mai, bệnh phấn trắng gây hại nhẹ tỷ lệ cây hại phổ biến 3 - 5%, cao 15%; bệnh héo xanh gây hại cục bộ, tỷ lệ cây hại phổ biến 0,3 - 0,5%, cục bộ 5% (Tam Dương).

- Trên cây rau su su: Bệnh sương mai hại nhẹ, tỷ lệ lá hại phổ biến 3 - 4%, cao 10 - 15% (Tam Đảo).

### **3. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)**

- Cây nhãn, vải: Nhện lông nhung, bệnh sương mai gây hại rải rác.
- Cây xoài: Bệnh thán thư gây hại rải rác.

### **4. Cây lâm nghiệp (thông, keo):** Sâu róm thông, sâu kèn nhỏ gây hại nhẹ.

### **5. Diện tích nhiễm sâu bệnh**

Tổng diện tích nhiễm sâu, bệnh, chuột hại trong tháng: 1.073,9 ha (thấp hơn CKNT). Trong đó diện tích nhiễm nhẹ 827,9 ha (thấp hơn CKNT), diện tích nhiễm trung bình 238,0 ha (thấp hơn CKNT), diện tích nhiễm nặng 8,0 ha (thấp hơn CKNT). Diện tích được phòng trừ 27.867,5 ha (cao hơn CKNT).

## **III. DỰ BÁO TÌNH HÌNH DỊCH HẠI TỪ NGÀY 16/4 - 15/5/2021**

### **1. Lúa Xuân**

- Trên lúa Xuân sớm: Bệnh đạo ôn lá (các huyện: Bình Xuyên, Sông Lô) tiếp tục phát sinh, phát triển gây hại rải rác - nặng cục bộ một số diện tích. Rầy nâu (các huyện: Lập Thạch, Sông Lô, Bình Xuyên, Yên Lạc) tiếp tục phát sinh, phát triển gây hại cục bộ trên giống nhiễm, cần phát hiện sớm các ổ rầy, kịp thời phòng trừ bằng biện pháp sử dụng thuốc đặc hiệu đảm bảo an toàn, hiệu quả. Bệnh khô vằn gây hại diện rộng. Bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn phát triển gây hại mạnh trong điều kiện mưa nhiều, độ ẩm không khí cao kèm gió mạnh, cần theo dõi và có biện pháp phòng trừ kịp thời. Sâu đục thân, chuột, tiếp tục phát sinh gây hại rải rác.

- Trên lúa Xuân muộn: Sâu đục thân, chuột, ruồi đục lá, sâu cuốn lá nhỏ, bệnh đạo ôn, bệnh khô vằn... hại rải rác. Chú ý bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn phát triển gây hại mạnh trong điều kiện mưa nhiều độ ẩm không khí cao kèm gió mạnh, cần theo dõi và có biện pháp phòng chống kịp thời. Ngoài ra, cần chú ý phun phòng trừ: sâu đục thân, sâu cuốn lá trên lúa trở muộn sau 5/5.

### **2. Trên cây màu**

Cây ngô: Sâu keo mùa thu gây hại rải rác, mật độ phổ biến 0,3 - 0,5 con/m<sup>2</sup>.

### **3. Cây rau**

- Trên cây rau họ thập tự: Bọ nhảy, sâu xanh, sâu khoang gia tăng gây hại. Sâu tơ, bệnh thối nhũn gây hại rải rác.

- Trên cây su su: Bệnh sương mai gia tăng gây hại cục bộ.

### **4. Cây ăn quả**

- Trên cây nhãn, vải: Bệnh sương mai, phấn trắng, thán thư, nhện lông nhung tiếp tục gây hại.

- Trên cây xoài: Bệnh phấn trắng, thán thư tiếp tục gây hại cục bộ.

#### **IV. ĐỀ NGHỊ VÀ CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ**

- Trạm Trồng trọt & BVTV các huyện, thành phố tăng cường phối hợp chặt chẽ với phòng Nông nghiệp & PTNT (Kinh tế), trạm Khuyến nông trên địa bàn đơn đốc UBND các xã, phường, thị trấn, HTX dịch vụ nông nghiệp tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn nông dân thực hiện:

+ Tăng cường phòng trừ sâu bệnh trong cao điểm tháng 4, tháng 5 để hạn chế thiệt hại, đảm bảo năng suất, sản lượng vụ Đông Xuân. Chú ý các đối tượng như bệnh đạo ôn, khô vằn, bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn, sâu đục thân, rầy nâu, chuột hại lúa.

+ Thực hiện tốt các biện pháp IPM, SRI, Viet GAP; thu hoạch sản phẩm rau màu đảm bảo thời gian cách ly khi phun thuốc BVTV theo hướng dẫn của nhà sản xuất trên bao bì.

+ Ưu tiên sử dụng các loại phân bón hữu cơ, thuốc BVTV sinh học, thảo mộc để chăm sóc, phòng trừ sâu, bệnh hại rau, màu khi sâu, bệnh đến ngưỡng phòng trừ. Có thể sử dụng bẫy bả dính màu vàng diệt bọ phấn, bọ trĩ trên ruộng rau màu; dùng bả chua ngọt diệt trưởng thành sâu khoang, sâu xám, sâu ăn lá trên cây rau màu nhằm hạn chế sâu bệnh phát sinh gây hại cây trồng.

- Quản lý chặt chẽ việc buôn bán thuốc BVTV trên địa bàn, kiểm dịch thực vật nội địa trên các giống cây trồng trong vụ Đông. Không để tình trạng buôn bán thuốc BVTV giả, kém chất lượng, ngoài danh mục được phép sử dụng ở Việt Nam bán trên địa bàn.

Trên đây là Thông báo tình hình sinh vật hại cây trồng 1 tháng từ ngày 16/3/2021 - 15/4/2021, Chi cục Trồng trọt & BVTV Vĩnh Phúc trân trọng thông báo./.

**Nơi nhận:**

- Cục BVTV (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở NN & PTNT (b/c);
- Trung tâm BVTV phía Bắc;
- UBND các huyện, thành, thị ;
- Trung tâm TTNT&PTNT;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, BVTV.

**KT.CHI CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

**Nguyễn Anh Tuấn**

**BẢNG THỐNG KÊ**  
**DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG SINH VẬT HẠI CHÍNH TRÊN CÂY TRỒNG**  
*(Kèm theo Thông báo số /TB-CCTT&BVTV, ngày /4/2021 của Chi cục Trồng trọt & BVTV Vĩnh Phúc)*

Cây trồng	GDST	Sinh vật hại	Mật độ sâu, tỷ lệ hại				Diện tích nhiễm (ha)					DTN so CKNT (ha)	DTPT (ha)	Phân bố
			ĐVT	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng	Nhẹ	TB	Nặng	Mtr			
Lúa xuân sớm	Làm đồng - trở	Bệnh khô vằn	%DH	11,6	25,5		122	85	37			-8	102	Hẹp
		Bệnh đạo ôn	%LH	7,5	15		1	0,5	0,5			-4,7	1	Cục bộ
		Chuột	%CH	5,3	10,1		85	59	26			+39	1.338	Rải rác
Lúa xuân muộn	Đứng cái - làm đồng - trở	SĐT cú mèo	%DH	4,8			6	6				+4	6	Cục bộ
		Chuột	%DH	6	9,1	15	170	122	43	5		-212	25.698	Rải rác
		Bệnh khô vằn	%DH	12	25,7		651	519	129	3		-441	670	Rộng
		Bệnh đạo ôn lá	%LH	9,4	13		13,7	11,2	2,5			+8	22,5	Rải rác
		Bệnh vàng lá sinh lý	%KH	10			0,1	0,1				+0,1	1	Cục bộ
		Ruồi đục lá	%DH	10			0,1	0,1				-6,9	-	Cục bộ
Cây ngô	PTTL	Sâu keo mùa thu	Con/m <sup>2</sup>	2			12	12				+11	17	Rải rác
Dưa chuột	PTTL	Bệnh sương mai	%CH	10			2	2				+2	2	Cục bộ
		Bệnh phấn trắng	%CH	10			4	4				+4	4	Cục bộ
		Bệnh héo xanh	%CH	5			2	2				+2	2	Cục bộ
		Bọ trĩ	%CH	15			2	2				+2	2	Cục bộ
Su su	PTTL	Bệnh sương mai	%LH	15			3	3				+3	2	Cục bộ
<b>Tổng DT nhiễm SB</b>							<b>1.073,9</b>	<b>827,9</b>	<b>238</b>	<b>8</b>		<b>27.867,5</b>		

**Ghi chú:** GDST: Giai đoạn sinh trưởng; ĐVT: Đơn vị tính; TB: Trung bình; Mtr: Mất trắng; DTN: Diện tích nhiễm; LH: Lá hại; DH: Dảnh hại; KH: Khóm hại; CH: Cây hại; CKNT: Cùng kỳ năm trước; PTTL: Phát triển thân lá; DTPT: Diện tích phòng trừ.

**Cán bộ tổng hợp:** KS. Đặng Thị Lương.